

Tôn giáo trong không gian công: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn

Nguyễn Thị Lê^(*)

Tóm tắt: Tôn giáo tuy có vai trò quan trọng trong đời sống xã hội nhưng cũng luôn là một trong những vấn đề phức tạp và gây tranh cãi, đặc biệt trong mối liên hệ với chính trị (nhà nước), các quyền cơ bản của con người, nền dân chủ tự do... Từ khía cạnh lý thuyết, bài viết góp phần làm rõ sự phân định giữa lĩnh vực công (public sphere) và lĩnh vực tư (private sphere), tôn giáo trong không gian công (public sphere)/lĩnh vực công. Ngoài ra, bài viết cũng phân tích mâu thuẫn về việc tự do thể hiện biểu tượng tôn giáo trong không gian công (trường hợp Cộng hòa Pháp).

Từ khóa: Tôn giáo, Không gian công, Lĩnh vực công, Không gian tư, Lĩnh vực tư, Tự do tôn giáo, Thế tục hóa, Pháp

Abstract: Religion, despite its significance in social life, has always been a complex and controversial issue, especially in its relation to politics (state), human rights and liberal democracy. From a theoretical perspective, the paper contributes to clarifying the distinction between the public and private spheres, as well as religion the public sphere/space. Besides, the paper analyzes disputes about the free expression of religious symbols in public space through the case of the French Republic.

Keywords: Religion, Public Space, Public Sphere, Private Space, Private Sphere, Religious Freedom, Secularization, France

Mở đầu

Sau khi Hòa ước Westphalia được ký kết (năm 1648) phân tách nhà nước và nhà thờ tại các quốc gia, tôn giáo được cho là đã đánh mất vai trò đáng có của nó trong xã hội và lĩnh vực công. Quan điểm này tương đồng với quan điểm của các nhà lý thuyết thế tục hóa. Charles Taylor, trong cuốn *Thời đại thế tục (A Secular Age)*, (2007), đã mô tả về sự rút lui của tôn giáo khỏi lĩnh

vực công và một thời đại thế tục đang đến. Tuy nhiên, một số học giả khác cho rằng đây là một nhận định sai lầm. Theo họ, tôn giáo sẽ không bị xóa sổ khỏi đời sống công cộng, nó vẫn có vai trò nhất định trong lĩnh vực công, bất kể các quá trình hiện đại hóa đã và vẫn đang diễn ra (Theo: Nguyễn Văn Bắc, 2016). Bên cạnh đó, sự trỗi dậy của tôn giáo trên toàn cầu cùng quá trình “giải/giảm cá nhân hóa” niềm tin và thực hành tôn giáo cho thấy yếu tố tôn giáo xuất hiện trở lại trong các không gian công khác nhau (Hoàng Văn Chung, 2016), từ đó thể hiện xu hướng của lịch sử hay điều kiện chuẩn

^(*) ThS., Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;
Email: lenguyen22@gmail.com

mục cho nền dân chủ tự do không phải là câu chuyện đặt tôn giáo vào lĩnh vực tư. Dẫu vậy, có nhiều vấn đề khó giải quyết trong mối quan hệ giữa tôn giáo và đời sống công cộng, chẳng hạn như cuộc tranh luận về việc tự do thể hiện các biểu tượng tôn giáo trong không gian công ở Pháp.

1. Sự phân định giữa lĩnh vực công và lĩnh vực tư

Trên thực tế, các khái niệm lĩnh vực công (public sphere) và không gian công (public space) không hoàn toàn đồng nhất, nhưng cũng không có sự phân định thật rạch ròi (Duncan, 1996: 130). Theo Don Mitchell, không gian công là một địa điểm để thể hiện sự bất đồng quan điểm, trong khi khu vực công thường được đặc trưng bằng sự loại trừ (Low, 2017). Tuy nhiên, có thể thấy sự phân định giữa không gian công và không gian tư, giữa lĩnh vực công và lĩnh vực tư hàm ý tương đồng về vấn đề giới: Nữ giới gắn với không gian tư, nam giới gắn với không gian công. Mối quan hệ giữa vấn đề giới và không gian còn là một trong những mối quan tâm chính của diễn ngôn về nữ quyền, và liên quan đến vấn đề gây tranh cãi về việc tự do thể hiện các biểu tượng tôn giáo trong không gian công, điều này được bàn ở phần sau của bài viết. Theo nghĩa đó, không gian công và lĩnh vực công được hiểu là tương đồng trong bài viết này.

Bản thân sự phân định giữa lĩnh vực công và lĩnh vực tư vốn không rõ ràng, bắt nguồn từ sự phân biệt giữa công và tư theo các nhà lý luận chính trị phương Tây (Weintraub, Kumar, 1997). Sự khác biệt giữa công và tư trong các diễn ngôn tự do thường được gán là sự phân biệt giữa thị trường và nhà nước, hay giữa phạm vi quyền lực “công” của nhà nước với phạm vi quan hệ tự nguyện giữa các cá nhân “tư nhân” trên thị trường (Low, 2017). Khái niệm lĩnh vực công của nhiều học giả có sự

khác biệt. Theo Immanuel Kant, “lĩnh vực công” được thiết lập từ thời kỳ Khai sáng, là yếu tố trung gian giữa xã hội dân sự và chính quyền đô thị. Đó là nơi mà công dân có thể đến để bày tỏ ý kiến, quan điểm và những mối quan tâm chung của họ đối với chính quyền đô thị. Như vậy, khái niệm này đề cập đến sự khai minh, tôn trọng tính công khai, quyền tự do và luận điểm rằng việc cấm đoán không gian công sẽ cản trở sự tiến bộ của một dân tộc hướng đến điều tốt đẹp (Dẫn theo: Trần Hữu Quang, 2017).

Sự phân định giữa lĩnh vực công và lĩnh vực tư được hiểu rõ hơn thông qua các khái niệm sau này về “lĩnh vực công” của Jürgen Habermas và Hannah Arendt¹.

Trong công trình *Chuyển biến cấu trúc của lĩnh vực công* (*The Structural Transformation of Public Sphere*, 1962), Habermas định nghĩa lĩnh vực công là nơi diễn ra các tranh luận chính thức và phi chính thức (quốc hội, hội đồng, tòa án...), là một trong những điều kiện cho nền dân chủ vì là nơi các tranh luận hình thành các quan điểm thể hiện ước vọng của công dân...”. Khái niệm này của Habermas chịu ảnh hưởng từ quan điểm của Kant (Dẫn theo: Nguyễn Xuân Nghĩa, 2014).

Tương tự, xét trong mối quan hệ với lĩnh vực tư, trong cuốn *Điều kiện làm người* (*The Human Condition*, 1958), Arendt luận giải lĩnh vực công là một không gian hoạt động, thể hiện lối sống tự do không bị chi phối bởi sự ràng buộc, nó đối lập với cuộc sống riêng tư của cá nhân và gia đình. Arendt nhấn mạnh, không gian công là nơi con người có thể gặp gỡ, trao đổi những quan điểm khác nhau và diễn đạt tiếng

¹ Kant và Habermas sử dụng thuật ngữ “public sphere”, Arendt sử dụng “public realm”, khi chuyển ngữ sang tiếng Việt có thể là “không gian công”, “lĩnh vực công”, “phạm vi công”. Bài viết lựa chọn cách dịch “lĩnh vực công”.

nói dân chủ hay tiếng nói thuộc về xã hội công dân. Các hoạt động của xã hội công dân trong không gian công được đảm bảo càng nhiều và/hoặc sự tương tác giữa công dân và nhà nước càng mạnh thì tiếng nói của người dân và mức độ dân chủ đạt được càng cao và được củng cố (Theo: Trịnh Văn Tùng, 2019).

Như vậy, cả khái niệm của Habermas và Arendt về “lĩnh vực công” đều liên kết chặt chẽ với quyền công dân trong xã hội dân chủ, và liên quan tới cụm khái niệm “quyền tiếp cận và loại trừ” tới các không gian đó (Trịnh Văn Tùng, 2019). Nhận định của Trịnh Văn Tùng cũng cho thấy, theo nghĩa trên tất cả mọi người đều có quyền tiếp cận không gian công bất luận địa vị xã hội, kinh tế hay giai tầng xã hội, quyền này được hiến pháp và pháp luật bảo vệ, bởi lẽ những không gian ấy thực sự là của chung, phục vụ chung cho nhu cầu của tất cả mọi người. Mỗi cá nhân trong xã hội đó đều thể hiện cách sống riêng (cá nhân) và cách sống cộng đồng (xã hội). Các học giả phương Tây gọi lĩnh vực tư (private sphere) làm dung môi cho đời sống riêng tư như gia đình, công sở, các nhóm bạn nhậu, các câu lạc bộ thể thao, khiêu vũ... Lĩnh vực công (public sphere) là dung môi cho đời sống công cộng của cá nhân (Nguyễn Thị Quế Hương, Nguyễn Thị Hòa, 2021).

2. Tôn giáo¹ trong lĩnh vực công

Vấn đề tôn giáo trong lĩnh vực công được diễn giải như thế nào, hay cụ thể hơn, việc thực hành tôn giáo, quyền tự do tôn giáo và việc tự do thể hiện các biểu tượng tôn giáo của một cá nhân trong một xã hội tự do, dân chủ có được phép trong không gian công hay chỉ giới hạn trong phạm vi riêng tư? Đây là một trong những vấn đề

được quan tâm rộng rãi trong giới nghiên cứu xã hội học phương Tây trong những năm qua.

Một mặt, tôn giáo ra đời đáp ứng nhiều nhu cầu của con người. Trong phạm vi này, tôn giáo trong không gian công được xem xét dưới góc độ *Nhu cầu cộng đồng* của cá nhân trong xã hội. Dù có nhiều lý thuyết giải thích khác nhau về tôn giáo, nhưng tựu trung đều nhất trí ở một điểm là tôn giáo thỏa mãn nhu cầu tâm lý của các thành viên trong xã hội. Tuy nhiên, nhà xã hội học Émile Durkheim lại có quan điểm cho rằng tôn giáo tồn tại để phục vụ nhu cầu xã hội hơn là tâm lý (Dẫn theo: Trần Thị Thúy Hằng, 2014). Theo ông, niềm tin và lễ nghi tôn giáo giúp khẳng định vị trí của cá nhân trong xã hội. Tôn giáo giúp tăng tính cộng đồng, khiến các thành viên tự tin hơn. Tôn giáo như là xi măng gắn kết xã hội theo quan điểm của các nhà chủ nghĩa chức năng (Dẫn theo: Connolly, 2018).

Mặt khác, theo chủ nghĩa tự do truyền thống, quyền con người là phổ quát và sẵn có cho mọi cá nhân, không phân biệt tôn giáo, chủng tộc, đẳng cấp, giới tính... Theo đó, các nhà tự do chủ nghĩa ủng hộ nhân quyền phổ quát tin rằng quyền con người là tuyệt đối và nếu chúng bị giới hạn thì có nghĩa là sự tồn tại của chúng ta với tư cách là một con người sẽ bị hạn chế (Xem: Nguyễn Hùng Vương, Lê Xuân Hoa, 2021; Chu Văn Tuấn, 2016; Nguyễn Tấn Hùng, 2008). Tuy nhiên, các quan điểm theo chủ nghĩa tự do truyền thống cũng luôn giới hạn tôn giáo trong phạm vi “riêng tư” hoặc “phi chính trị”.

Khái niệm khoan dung tôn giáo và vai trò của tôn giáo bị giới hạn vào lĩnh vực tư như vậy trước hết xuất phát từ quan niệm cổ điển từ thời kỳ Khai sáng về sự ra đời của hệ thống quốc tế hiện đại vào năm 1648 khi Hòa ước Westphalia chấm dứt thời kỳ

¹ Bài viết này chỉ đề cập đến các tôn giáo đã được thừa nhận như: Công giáo, Hồi giáo, Phật giáo...

của các cuộc chiến tranh tôn giáo (May, Wilson và các cộng sự, 2014), dù có một vài ý kiến khác (McDougall, 2020). Hòa ước Westphalia được cho là mốc đánh dấu sự chia tách giữa thế quyền và thần quyền ở phương Tây, hay sự phân tách quyền lực chính trị với quyền lực tôn giáo (nhà nước với nhà thờ), từ đó tán thành ý tưởng rằng tôn giáo thuộc về lĩnh vực tư và hạn chế mạnh mẽ quyền tài phán của Đế quốc La Mã Thần thánh. Sau Hòa ước Westphalia, các quốc gia dần hình thành với sự phân tách giữa nhà nước và nhà thờ theo các mức độ khác nhau, được ám chỉ qua sự phân định giữa lĩnh vực công và lĩnh vực tư, nhưng điều này lại không phản ánh chính xác thực tại chính trị và xã hội ở các nước đó.

Tiếp đó là sự xuất hiện các quan điểm theo lý thuyết thế tục hóa từ cuối thế kỷ XIX nhận định rằng, tôn giáo sẽ thoái trào là điều tất yếu của quá trình hiện đại hóa. Một số học giả nhận định hiện đại hóa sẽ dẫn đến sự tàn lụi của tôn giáo, những người có quan điểm ôn hòa hơn cho là các giá trị thiêng liêng đã rút lui khỏi đời sống công cộng vào trong các mối quan hệ trực tiếp và cá nhân (Connolly, 2018). Việc đặt lại tôn giáo vào lĩnh vực tư không những đã tách tôn giáo ra khỏi chính trị về mặt lý thuyết, mà còn làm mất giá trị của tôn giáo ở chỗ: lĩnh vực công được coi là cao hơn so với lĩnh vực tư về mặt chính trị. Hệ quả của việc đặt tôn giáo trong lĩnh vực tư là tôn giáo được coi là vấn đề riêng tư hoặc lợi ích nhóm phụ thuộc vào những điều xảy ra ở cấp độ chính trị.

Sau khi công trình *Chuyển biến cấu trúc của lĩnh vực công* của Habermas được phổ biến, xuất hiện nhiều thảo luận về khái niệm lĩnh vực công gắn liền với sự hồi sinh của khái niệm về xã hội dân sự. Lĩnh vực công ngày càng được hình dung như là một cơ sở hạ tầng diễn ngôn và chất

bồi trơn quy chuẩn cho một xã hội dân sự đang hoạt động tốt. Đồng thời, các cuộc thảo luận lại một lần nữa đặt câu hỏi về vị trí của các phong trào và diễn thuyết tôn giáo không chỉ trong các quá trình xã hội hiện đại hóa mà còn trong khu vực công. Giới nghiên cứu đặc biệt chú ý đến những sự phát triển trong thế giới Islam giáo và những thách thức trong việc thích ứng với các thực hành đức tin của người Islam giáo trong mọi khía cạnh của cuộc sống hiện đại, từ văn hóa đến xã hội, từ chính trị đến bản sắc, từ an ninh đến vấn đề xung đột và phân biệt đối xử. Vai trò phức tạp của tôn giáo trong khu vực công tại các xã hội khiến Habermas thay đổi quan điểm ban đầu rằng sự hợp lý của xã hội sẽ dẫn đến việc tôn giáo cuối cùng sẽ biến mất khỏi đời sống công cộng. Thay vào đó, ông cho rằng “tôn giáo không nên bị giới hạn trong lĩnh vực riêng tư cá nhân mà nó phải can dự vào lĩnh vực công” (Nguyễn Xuân Nghĩa, 2012). Quá trình thế tục hóa - bằng cách cố tình loại trừ, bỏ qua hoặc hạ thấp tôn giáo - sẽ khiến xã hội hiện đại có khả năng mất đi một nguồn lực đạo đức quan trọng. Bằng cách loại trừ tôn giáo, xã hội thế tục sẽ trở nên nghèo nàn (May, Wilson, 2014).

Những học giả khác như José Casanova hay G. Dekker và cộng sự tán thành quan điểm này. Theo họ, những dự đoán về sự phát triển của xã hội thế tục (cho rằng tàn tích duy nhất của tôn giáo có thể hoàn toàn là một kinh nghiệm riêng tư và rằng tôn giáo sẽ bị loại khỏi đời sống công cộng) đã được chứng minh là sai (Dẫn theo: Nguyễn Văn Bắc, 2016). Tôn giáo không bị loại trừ khỏi đời sống công cộng trong quá trình hiện đại hóa, đồng thời việc cá nhân hóa tôn giáo cũng không phải là một xu hướng lịch sử hay một điều kiện hiện đại, dân chủ tự do.

3. Mâu thuẫn về việc tự do thể hiện biểu tượng tôn giáo trong không gian công: nghiên cứu trường hợp nước Pháp

Sau Hòa ước Westphalia, các quốc gia xây dựng nhà nước thế tục đảm bảo theo các nguyên tắc như: (i) trung lập về niềm tin tôn giáo, (ii) tôn trọng tự do tôn giáo; (iii) không xóa bỏ bất kỳ tôn giáo nào (Nguyễn Thị Lê, 2019). Để hình thành một nhà nước thế tục, sự phân ly nhà thờ, chùa chiền hay các tổ chức tôn giáo khỏi nhà nước là một trong những điều kiện đầu tiên. Tuy nhiên, mỗi nhà nước lại có những quan điểm áp dụng và phương cách riêng biệt để giải quyết mối quan hệ này. Câu hỏi đặt ra là: Liệu một nhà nước có công nhận hoặc đánh giá cao vai trò và ý nghĩa của tôn giáo hay không? Nếu có, thì liệu có quy định đề cao một tôn giáo cụ thể qua các ngày lễ theo tôn giáo đó không? Hay nhà nước nên ủng hộ và đối xử bình đẳng với tất cả các tôn giáo? Hoặc nhà nước thậm chí dành sự quan tâm và ủng hộ đặc biệt cho các tôn giáo thiểu số để đảm bảo sự bình đẳng thực tế hơn?

Nghiên cứu trường hợp nước Pháp, có thể thấy: Cách mạng Pháp đã công bố tự do tín ngưỡng và tự do tôn giáo thông qua bản Tuyên ngôn về quyền con người và quyền công dân năm 1789. Công giáo không còn là quốc giáo ở Pháp. Các tín đồ Tin lành có quyền tổ chức việc thờ cúng, và tháng 9/1791 các tín đồ Do Thái giáo ở Pháp được chấp nhận tư cách công dân (Bobineu, Tank-Storper, 2012: 55). Tuy nhiên, khi Công giáo không còn là quốc giáo nữa nó lại bị sáp nhập vào lĩnh vực chính trị, tạo ra sự vận động tái chồng chéo tính chính trị và tính tôn giáo nhiều hơn là một logic chia tách nhà nước - nhà thờ thực sự. “Hiệp ước thế tục” năm 1905-1907 đánh dấu sự chia tách hoàn toàn giữa Nhà nước và Giáo hội ở Pháp, theo đó, tôn giáo chính thức không còn được coi

là một trong những thiết chế cấu trúc nên xã hội; tôn giáo chỉ còn là một công việc riêng tư; quyền tự do tư tưởng và tự do tín ngưỡng là quyền tự do cơ bản của mọi người (Bobineu, Tank-Storper, 2012).

Đến năm 1984, vấn đề “khăn choàng Islam giáo” xuất hiện trong các cuộc tranh luận công khai liên quan tới việc mặc trang phục liên quan đến tôn giáo hoặc mang các biểu tượng tôn giáo trong các trường tiểu học, trung học công. Tranh cãi nổi lên bởi mô hình thế tục phân tách giữa nhà nước và nhà thờ ở Pháp trên thực tế có vẻ như lại mang tính thiên vị về mặt tôn giáo. Các ngày lễ phần lớn đều căn theo lịch Công giáo, vậy những ngày lễ của những người Do Thái giáo và Islam giáo thì sao? Việc rút lui các thực hành Công giáo vào lĩnh vực tư tuy không nảy sinh vấn đề gì nhưng lại là vấn đề đối với những tôn giáo như Islam giáo hoặc Do Thái giáo. Theo Olivier Bobineau và Sébastien Tank-Storper (2012), chiếc khăn choàng Islam giáo thể hiện sự đảo ngược thú vị: được phụ nữ Islam giáo cởi ra ở khu vực tư và nó chỉ được mang ở khu vực công.

Thực tế là quyền tự do tôn giáo phát triển như sự đảm bảo cho một trong những lĩnh vực riêng tư nhất của con người và niềm tin chống lại sự áp bức của chính quyền và thần quyền. Quyền tự do tôn giáo là quyền cơ bản, tuyệt đối, nhưng việc tự do thể hiện tôn giáo không mang tính tuyệt đối, mà chịu sự giới hạn. Điều này thể hiện qua việc Tuyên ngôn Nhân quyền thế giới năm 1948 bảo vệ quyền tự do tôn giáo cho mỗi cá nhân, nhưng đưa ra điều khoản ràng buộc các cá nhân và tổ chức tôn giáo phải tuân thủ những hạn chế quyền theo luật định nhằm bảo đảm sự công nhận và tôn trọng thích đáng đối với các quyền và tự do của người khác, cũng như nhằm đáp ứng những yêu cầu chính đáng về đạo đức,

trật tự công cộng và phúc lợi chung trong một xã hội dân chủ (Đỗ Lan Hiền, 2019). Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 cũng nêu rõ: “Quyền tự do bày tỏ tôn giáo hoặc tín ngưỡng chỉ có thể bị giới hạn bởi pháp luật và khi sự giới hạn đó là cần thiết để bảo vệ an ninh, trật tự công cộng, sức khỏe hoặc đạo đức xã hội, hoặc để bảo vệ các quyền và tự do cơ bản của người khác” (Dẫn theo: Nguyễn Khắc Huy, 2017; Xem thêm: Nguyễn Ngọc Huân, 2014).

Trong chừng mực đó, Talal Asad, Wendy Brown, Judith Butler và Saba Mahmood (2013) cho rằng, sự phân tách giữa nhà nước và nhà thờ không đơn giản là sắp xếp vị trí của tôn giáo trong các quốc gia và các cộng đồng, mà còn quy định tôn giáo là gì và phải là gì. Cũng theo nghiên cứu này, việc Chính phủ Pháp thông qua các luật cấm học sinh trường công sử dụng “biểu tượng tôn giáo gây chú ý đặc biệt” và cấm nữ tín đồ Islam giáo “che mặt nơi công cộng” “không vi phạm quyền tự do tôn giáo của người Islam giáo vì nó không can thiệp vào tín ngưỡng của bất kỳ ai (vị trí thích hợp của tôn giáo); lệnh cấm chỉ giới hạn sự thể hiện công khai của những niềm tin đó”. Tuy nhiên, việc chỉ dành đặc quyền đối với lĩnh vực công cho các tôn giáo đa số có thể tạo ra một hệ thống thứ bậc các tôn giáo bắt nguồn từ sự nhận thức về khác biệt giữa công và tư.

Kết luận

Khó có thể tìm thấy một quốc gia phương Tây nào không có những cuộc tranh luận công khai về các biểu tượng tôn giáo (khăn trùm đầu, cây thánh giá, v.v.), xung đột hiến pháp về quan hệ nhà nước - nhà thờ và những tranh cãi chính trị về việc ứng xử với các nhóm thiểu số tôn giáo. Quả thật, tôn giáo luôn là vấn đề phức tạp và gây tranh cãi, bởi nó gắn chặt với một

trong những quyền tự do cơ bản của con người, nằm trong mối quan hệ rắc rối với chính trị, lịch sử phát triển tôn giáo ở từng quốc gia. Những quan điểm khác nhau của các nhà nước khác nhau về tự do tôn giáo thông qua các chính sách, quy định chung, về đạo đức cũng như đặc trưng của một xã hội dân sự nhất định đã góp phần khiến mối quan hệ này thêm phức tạp. Chính bởi vậy, để điều hòa mối quan hệ với tôn giáo, trong quá trình xây dựng xã hội dân chủ, tự do ở các nước phương Tây, nhà nước cần có những chính sách phù hợp để vừa đáp ứng nhu cầu của người dân được thực hành và thể hiện niềm tin tôn giáo của mình, vừa duy trì nguyên tắc tự do, bình đẳng tôn giáo và đảm bảo tôn giáo không lấn lướt vào các không gian thể tục □

Tài liệu tham khảo

1. Asad, Talal, Brown, Wendy, Butler Judith, Mahmood, Saba (2013), *Is critique secular? Blasphemy, injury, and free speech*, Fordham University Press, New York, pp. ix-x.
2. Nguyễn Văn Bắc (2016), “Khả năng của tôn giáo trong không gian công qua tư tưởng của Jürgen Habermas”, Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 4 (154), tr. 14-22.
3. Bobineau, Olivier, Sébastien, Tank-Storper (2012), *Xã hội học tôn giáo*, Hoàng Thạch dịch, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
4. Hoàng Văn Chung (2016), “Khái quát một số thảo luận đáng chú ý hiện nay về tôn giáo trong chính sách công”, Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 1, tr. 3-27.
5. Connolly Peter (2018), *Tôn giáo học từ nhiều cách tiếp cận*, Chu Tiên Ánh dịch, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
6. Duncan, Nancy (Ed., 1996), *BodySpace: Destablizing geographies of gender*

- and sexuality*, Routledge, London & New York.
7. Trần Thị Thúy Hằng (2014), “Tôn giáo theo quan điểm của Émile Durkheim”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*, Trường Đại học Khoa học - Đại học Huế, tập 2, số 2, tr. 161-166.
 8. Đỗ Lan Hiền (2019), “Thực thi quyền tự do tôn giáo trong tương quan giáo hội và nhà nước”, *Tạp chí Lý luận Chính trị*, số 11, tr. 84-89.
 9. Nguyễn Ngọc Huân (2014), “Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo trong các văn bản chính trị - pháp lý quốc tế”, *Tạp chí Nhân lực Khoa học xã hội*, số 8, tr. 46-52.
 10. Nguyễn Tân Hùng (2008), “Chủ nghĩa tự do: quá trình phát triển và ảnh hưởng của nó đối với thế giới hiện đại”, *Tạp chí Sinh hoạt lý luận*, số 6, tr. 26-30.
 11. Nguyễn Khắc Huy (2018), “Tự do tôn giáo trong hiến pháp một số quốc gia và Hiến pháp Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”, *Tạp chí Công tác Tôn giáo*, số 10, tr. 10-14.
 12. Nguyễn Thị Quế Hương, Nguyễn Thị Hòa (2021), “Không gian công với vấn đề đối thoại liên tôn giáo ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Nghiên cứu Phật học*, số tháng 3, tr. 56-60.
 13. Nguyễn Thị Lê (2019), “Các mô hình nhà nước thế tục trên thế giới”, *Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội*, số 10, tr. 20-26.
 14. Low, Setha (2017), “Public space and the public sphere: The legacy of Neil Smith”, *Antipode*, Vol. 49, Iss. 1, p. 153-170.
 15. May, Samantha, Wilson, Erin K., Baumgart-Ochse, Claudia, Sheikh, Faiz (2014), “The Religious as political and the political as religious: Globalisation, post-secularism and the shifting boundaries of the sacred”, *Politics, Religion & Ideology*, Vol. 15, Issue 3, p. 331-346.
 16. McDougall, Walter A. (2020), “The myth of the secular: religion, war and politics in the twentieth century”, *Orbis - RPRI's Journal of World Affairs*, Vol. 64, Issue 1, p. 24-42.
 17. Nguyễn Xuân Nghĩa (2012), “ Tư tưởng của Jürgen Habermas về tôn giáo”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 6, tr. 16-26.
 18. Nguyễn Xuân Nghĩa (2014), “Không gian công và tôn giáo”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 9 (135), tr. 20-38.
 19. Trần Hữu Quang (2017), “Trí thức và không gian công cộng trong xã hội hiện đại”, *Tạp chí Tia sáng*, <https://tiasang.com.vn/-dien-dan/Tri-thuc-va-khong-gian-cong-cong-trong-xa-hoi-hien-dai-10467>, truy cập ngày 22/8/2021.
 20. Chu Văn Tuấn (2016), “Quan điểm của một số nhà triết học phương Tây về tự do và pháp luật”, *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*, số 9 (106), tr. 36-42.
 21. Trịnh Văn Tùng (2019), “Tiếp cận liên ngành về văn hóa ứng xử trong không gian công cộng của người Việt Nam hiện nay với tính cách là một chiều cạnh của phát triển con người”, *Tạp chí Nghiên cứu Con người*, số 5 (104), tr. 15-30.
 22. Nguyễn Hùng Vương, Lê Xuân Hoa (2021), “Quan điểm của chủ nghĩa cộng đồng phương Tây đương đại với vấn đề nhân quyền”, *Tạp chí Nghiên cứu Con người*, số 2 (113), tr. 30-53.
 23. Weintraub, Jeff, Kumar, Krishan (1997), *Public and private in thought and practice: Perspectives on a grand dichotomy*, University of Chicago Press, Chicago.